

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

Số: 158 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Bình, ngày 08 tháng 05 năm 2025

**KẾ HOẠCH**

**Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp  
năm học 2025 - 2026**

TRƯỞNG QUẬN PHAN HUY ÍCH

Số: 558

Ngày: 09/5

Chuyên: .....

Số và ký hiệu HS: .....

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026 như sau:

**A. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

1. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân quận Tân Bình, trong đó ưu tiên giải quyết chỗ học cho con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân và trẻ em mồ côi. Thực hiện nghiêm túc công tác phổ cập giáo dục các cấp, bao gồm: phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học.

2. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường; tiếp tục duy trì mục tiêu 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, tạo điều kiện tốt nhất để học sinh được rèn luyện và phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực theo đúng mục tiêu đề ra.

3. Triển khai công tác tuyển sinh bậc học Mầm non, cấp Tiểu học và Trung học cơ sở theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), đảm bảo công bằng, minh bạch, đánh giá chính xác năng lực người học và phản ánh đúng chất lượng giảng dạy.

4. Tiếp tục duy trì loại hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trên địa bàn quận Tân Bình (Mầm non 14, Tiểu học Đồng Đa); trường Mầm non Sơn Ca, trường Tiểu học Hùng Vương và trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi phối hợp Phòng GDĐT và các phòng ban liên quan để xây dựng đề án và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định trường tiên tiến, hiện đại khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí trường tiên tiến hiện đại.

5. Tiếp tục duy trì và mở rộng tuyển sinh cho các chương trình/lớp giảng dạy môn Toán và Khoa học bằng tiếng Anh theo chương trình tích hợp Anh và Việt Nam (Đề án 5695) và các chương trình được phê duyệt khác; đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục đẩy mạnh phát triển các lớp tăng cường tiếng Anh, ngoại ngữ hai, nhằm mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng giao tiếp đa ngôn ngữ, đáp ứng hiệu quả các yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập quốc tế.

## II. HUY ĐỘNG TRẺ VÀO BẬC MẦM NON

- Huy động 100% trẻ 05 tuổi (sinh năm 2020) vào trường mầm non theo Kế hoạch do Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quy định. Đồng thời, xây dựng kế hoạch đảm bảo chỗ học cho trẻ dưới 05 tuổi và tăng dần tỷ lệ huy động trẻ ở độ tuổi nhà trẻ đến trường.

- Các cơ sở giáo dục mầm non khi tiếp nhận trẻ cần đảm bảo đủ các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non; đảm bảo đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị theo đúng qui định.

- Do đặc thù tuyển sinh của giáo dục mầm non, Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp có trách nhiệm xây dựng ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ tiết về quy trình tuyển sinh tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn, trong đó yêu cầu cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ phải đăng ký trực tuyến cho trẻ tại địa chỉ trang tuyển sinh trực tuyến của Thành phố bằng mã định danh được cấp, đồng thời hoàn thành đầy đủ bộ hồ sơ nhập học và nộp phiếu khảo sát đầu vào của trẻ.

- Căn cứ nhu cầu của cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ và nhu cầu của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể tổ chức cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian hè.

*Lưu ý: Ủy ban nhân dân phường chuyển hồ sơ trẻ 5 tuổi về các trường mầm non theo quy định của Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp (nếu có).*

## III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

### 1. Tuyển sinh vào lớp 1

- Phần đầu đạt mục tiêu huy động 100% trẻ 06 tuổi (sinh năm 2019) đang sinh sống thực tế trên địa bàn quận vào học lớp 1, trong đó thông tin tuyển sinh được trích xuất từ hệ thống CSDL ngành giáo dục Thành phố và được Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp phê duyệt.

- Phương thức tuyển sinh lớp 1 thực hiện theo hình thức xét tuyển, đáp ứng các quy định tại mục I phần B về phương thức tuyển sinh chung. Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp chịu trách nhiệm ban hành kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, xác định đối tượng xét tuyển, ưu tiên trên địa bàn và các nội dung liên quan, đảm bảo tuân thủ kế hoạch tuyển sinh của Thành phố, văn bản hướng dẫn và khung thời gian của Sở GDĐT.

- Không giải quyết các trường hợp học sinh học sớm trước tuổi và các trường hợp không có tên trên hệ thống CSDL ngành giáo dục Thành phố.

- Phần đầu thực hiện mục tiêu sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học hiện hành.

- Thực hiện Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030”.

- Trường hợp các trường còn thiếu chỉ tiêu so với Kế hoạch tuyển sinh ban đầu, việc bổ sung phải được Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp phê duyệt, đảm bảo

tối đa quyền lợi học sinh và phù hợp với khả năng tiếp nhận, điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị.

## 2. Quy trình tuyển sinh

- **Đối tượng 1:** ưu tiên tuyển sinh cho trường hợp học sinh có “*nơi ở hiện tại*” thuộc địa bàn và trong độ tuổi quy định;

- **Đối tượng 2:** học sinh có nguyện vọng học tại khu vực không thuộc địa bàn cư trú thực tế.

\* Đối với đối tượng 2, Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quận sẽ xem xét ưu tiên xét tuyển theo thứ tự các trường hợp đặc thù của mỗi khu vực như:

(1) Học sinh có cha hoặc mẹ làm việc tại địa bàn (giáo viên, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, trường học trên địa bàn quận; các cơ quan khác trên địa bàn quận).

(2) Học sinh có “*nơi ở hiện tại*” theo VNeID thuộc các khu vực ranh giới giữa các quận giáp ranh với quận Tân Bình.

(3) Học sinh chuyển tỉnh.

(4) Học sinh thuộc các trường hợp đặc thù của địa phương.

Các trường hợp không thuộc diện ưu tiên sẽ được xem xét sau cùng, dựa trên chỉ tiêu còn lại của các trường và quyết định của Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp.

*Lưu ý: Ủy ban nhân dân phường chuyển hồ sơ trẻ 6 tuổi về các trường tiểu học theo quy định của Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp (nếu có).*

## 3. Tuyển sinh lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp)

### a) Tuyển sinh lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- 26 trường tiểu học trên địa bàn quận tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Đối với các loại hình lớp học tăng cường tiếng Anh, hằng năm, Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi loại hình này các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải đảm bảo số không vượt quá quy định.

### b) Tuyển sinh lớp 1 tăng cường tiếng Pháp

- Chỉ tiêu: 01 lớp với 40 học sinh tại trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

- Điều kiện: Đạt yêu cầu qua đợt khảo sát khả năng học ngoại ngữ.

- Thời gian và địa điểm tổ chức khảo sát: Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (thực hiện theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo).

- Trường xây dựng kế hoạch gửi về Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp.

- Đối với các loại hình lớp học tăng cường tiếng Pháp, hằng năm, Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi loại hình này các học sinh không

theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải đảm bảo sĩ số không vượt quá quy định.

**4. Tuyển sinh vào lớp 1 Chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

- Tiếp tục thực hiện chương trình tích hợp tại 07 trường tiểu học: Lê Văn Sĩ, Nguyễn Thanh Tuyển, Đồng Đa, Nguyễn Văn Trỗi, Trần Quốc Tuấn, Tân Trụ, Hùng Vương (*phụ lục đính kèm*).

- Phòng GDĐT chỉ đạo các đơn vị rà soát, bổ sung trang thiết bị, vật tư, phòng học tại đơn vị nhằm đảm bảo đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm cho các lớp thực hiện Chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp theo quy định của Sở GDĐT.

- Tổ chức dạy Chương trình tiếng Anh theo Đề án 5695 cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố (theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).

- Sĩ số học sinh: không quá 35 học sinh/lớp.

- Học sinh tham dự chương trình tích hợp trên tinh thần đăng ký tự nguyện và không tổ chức khảo sát đầu vào.

## **IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6**

### **1. Tuyển sinh lớp 6**

- Đảm bảo 100% chỗ học cho học sinh trong độ tuổi quy định, “có nơi ở hiện tại” trên địa bàn và đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn được vào học lớp 6 theo danh sách do Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quy định.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa trên kết quả rèn luyện, học tập ở cấp tiểu học và sử dụng dữ liệu từ bản đồ số phục vụ công tác phân bổ học sinh, trong đó phương án tuyển sinh của các trường do Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quyết định theo tình hình thực tế tại địa phương, đáp ứng các quy định tại mục I phần B về phương thức tuyển sinh chung.

- Trường hợp nhận học sinh ngoài danh sách sẽ do Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp xem xét, quyết định.

- Sĩ số học sinh thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường Trung học cơ sở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường hợp các trường còn thiếu chỉ tiêu so với Kế hoạch tuyển sinh ban đầu, việc bổ sung phải được Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp phê duyệt, đảm bảo tối đa quyền lợi học sinh và phù hợp với khả năng tiếp nhận, điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị.

## 2. Quy trình tuyển sinh

### - Đối tượng 1:

+ Học sinh có “*nơi ở hiện tại*” thuộc địa bàn quận Tân Bình và đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn và trong độ tuổi quy định.

+ Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Tân Bình và trong độ tuổi quy định

### - Đối tượng 2:

+ Học sinh có nguyện vọng học tại khu vực không thuộc địa bàn cư trú thực tế.

+ Học sinh có “*nơi ở hiện tại*” thuộc địa bàn quận Tân Bình nhưng hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học không thuộc địa bàn quận Tân Bình và trong độ tuổi quy định .

\* Đối với đối tượng 2, Ban Chỉ đạo Tuyển sinh đầu cấp quận sẽ xem xét ưu tiên xét tuyển theo thứ tự các trường hợp đặc thù của mỗi khu vực như sau:

(1) Học sinh có “*nơi ở hiện tại*” thuộc địa bàn quận Tân Bình nhưng hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học không thuộc địa bàn quận Tân Bình.

(2) Học sinh có cha hoặc mẹ làm việc tại địa bàn (giáo viên, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, trường học trên địa bàn quận; các cơ quan khác trên địa bàn quận).

(3) Học sinh thuộc các trường hợp đặc thù của địa phương.

(4) Học sinh có “*nơi ở hiện tại*” theo VNeID thuộc các khu vực ranh giới giữa các quận giáp ranh với quận Tân Bình.

(5) Học sinh chuyển tỉnh.

Các trường hợp không thuộc diện ưu tiên sẽ được xem xét sau cùng, dựa trên chỉ tiêu còn lại của các trường và quyết định của Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp.

*Lưu ý: Các trường tiểu học chuyển hồ sơ học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học về trường trung học cơ sở theo quy định của Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp (nếu có).*

## 3. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường ngoại ngữ

### 3.1. Tiếng Anh tăng cường

Các trường trung học cơ sở có lớp 6 chương trình tiếng Anh tăng cường: Ngô Sĩ Liên, Âu Lạc, Nguyễn Gia Thiều, Trần Văn Đăng, Tân Bình, Võ Văn Tần, Ngô Quyền, Trường Chinh, Hoàng Hoa Thám, Trần Văn Quang, Quang Trung, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Ngọc Thạch.

Hội đồng tuyển sinh các trường căn cứ theo thứ tự đối tượng sau để tuyển sinh học sinh lớp 6 Tiếng Anh tăng cường.

**a) Đối với học sinh học hết lớp 5 chương trình tiếng Anh tăng cường tiểu học:**

Có điểm trung bình môn tiếng Anh tăng cường cả năm từ 6,0 trở lên. Trong đó, điểm cả năm từng kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) từ 6,0 điểm trở lên.

**b) Đối với học sinh học hết lớp 5 chương trình tiếng Anh tích hợp tiểu học:**

Điểm trung bình năm môn tiếng Anh tích hợp từ 6,0 điểm trở lên.

**c) Đối với học sinh học hết lớp 5 không học chương trình tiếng Anh tăng cường tiểu học, cần có 1 trong các chứng chỉ quốc tế sau:**

- Pearson PEIC (PTE Young Learners) Young Learners Quickmarch đạt từ mức Pass – số sao tối thiểu 3/5 sao trở lên.

- FLYERS: từ 10 khiên trở lên.

- TOEFL Primary: tối thiểu đạt 3 huy hiệu của bài thi TOEFL Primary step 2.

- Các chứng chỉ quốc tế khác trình độ từ A2 trở lên.

- Tham dự kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào dành cho học sinh lớp tiếng Anh tăng cường của các trường trung học cơ sở (trong trường hợp số học sinh đăng ký đầu vào vượt so với khả năng tiếp nhận của trường Trung học cơ sở).

*Lưu ý: tham dự kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào dành cho học sinh lớp tiếng Anh tăng cường của các trường Trung học cơ sở trong trường hợp số học sinh đăng ký đầu vào vượt so với khả năng tiếp nhận của trường Trung học cơ sở.*

### **3.2. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình tiếng Pháp**

#### **3.2.1. Tiếng Pháp Ngoại ngữ 1**

- Tổ chức tại trường Trung học cơ sở Ngô Sĩ Liên.

- Đối tượng xét tuyển: học sinh lớp 5 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và có điểm kiểm tra định kỳ cuối năm mỗi môn tiếng Việt và môn Toán đạt từ 8,0 điểm trở lên của năm học lớp 5 và có điểm trung bình của các môn tiếng Pháp và môn Toán bằng tiếng Pháp từ 6,0 điểm trở lên được chuyển thẳng vào các lớp 6 tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp.

*Lưu ý: Học sinh đạt điểm trung bình của môn tiếng Pháp dưới 6,0 điểm có thể học theo chương trình tiếng nước ngoài hiện hành (học sinh phải thực hiện bài khảo sát năng lực ngoại ngữ và đạt chuẩn kiến thức đầu vào của chương trình lớp 6 hiện hành).*

#### **3.2.2. Tiếng Pháp Ngoại ngữ 2**

Đối tượng xét tuyển: học sinh sau khi trúng tuyển vào lớp 6 tại trường Trung học cơ sở Ngô Sĩ Liên có thể đăng ký học theo nguyện vọng, nhưng phải đảm bảo phù hợp chỉ tiêu và sĩ số theo quy định của trường và kế hoạch tuyển sinh tại trường.

### **3.3. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình tiếng Trung (Ngoại ngữ 2)**

- Tổ chức tại trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch.

- Đối tượng xét tuyển: học sinh sau khi trúng tuyển vào lớp 6 tại các trường trên có thể đăng ký học theo nguyện vọng, nhưng phải đảm bảo phù hợp chỉ tiêu và sĩ số theo quy định của trường và kế hoạch tuyển sinh tại trường.

- Điều kiện tổ chức các lớp ngoại ngữ 2 phải căn cứ trên nguồn lực giáo viên và nhu cầu học sinh tại các cơ sở giáo dục, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ GDĐT. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện toàn cấp trung học cơ sở, và trình Sở GDĐT phê duyệt từ năm lớp 6.

#### **4. Tuyển sinh vào lớp 6 Chương trình dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp theo Đề án 5695**

Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quy định học sinh đủ điều kiện học chương trình tiếng Anh tích hợp vào lớp 6 tại 5 trường Trung học cơ sở Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Gia Thiều, Trường Chinh, Hoàng Hoa Thám, Mạc Đĩnh Chi.

+ Sĩ số học sinh: không quá 35 học sinh/lớp.

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo chương trình tiếng Anh tích hợp.

Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo có nguyện vọng vào chương trình tiếng Anh tích hợp, có năng lực tiếng Anh đáp ứng một trong các điều kiện tiếp nhận vào lớp 6 Chương trình tiếng Anh Đề án 5695 sau:

+ Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PEIC (PTE Young Learners) cấp độ Quickmarch (Pass - số sao tối thiểu 3/5 sao).

+ Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyers (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).

+ Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

+ Học sinh phải được đánh giá đạt bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

***Lưu ý:** Học sinh cần có một trong các chứng chỉ nêu trên hoặc phải thực hiện bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).*

#### **5. Tuyển sinh vào lớp 6 Trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi**

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo kế hoạch của nhà trường, trong đó đảm bảo thực hiện đăng ký trên trang tuyển sinh đầu cấp của Thành phố (địa chỉ: <https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>), tuân thủ đúng khung thời gian, quy định tại các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, đảm bảo đồng bộ với công tác tuyển sinh của toàn quận và Thành phố.

***Lưu ý:** Trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo hình thức xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên toàn quận theo điều kiện và tiêu chí đã được duyệt của Ban chỉ đạo tuyển sinh quận.*

## **V. TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN NỘI DUNG GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG CAO, TIỀN TIẾN, HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN**

- Trường Mầm non 14, Tiểu học Đồng Đa đảm bảo triển khai nghiêm túc, đầy đủ Bộ tiêu chuẩn đã được ban hành và tuân thủ chặt chẽ các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Việc tuyển sinh thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh của Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp và theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Trường Mầm non Sơn Ca, trường Tiểu học Hùng Vương và trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi phối hợp Phòng GDĐT và các phòng ban liên quan để xây dựng đề án và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định trường tiên tiến, hiện đại khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí trường tiên tiến hiện đại.

## **VI. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU (phụ lục đính kèm)**

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân quận thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp và Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch của Thành phố, các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT và kế hoạch tuyển sinh đầu cấp của địa phương; phê duyệt kết quả tuyển sinh thuộc phạm vi quản lý.

+ Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện công tác đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến trên trang tuyển sinh của Thành phố tại địa chỉ <https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>. Tuyệt đối không tạo các cổng đăng ký khác hoặc hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký khác theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Chỉ đạo và kiểm tra các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc công tác rà soát dữ liệu theo kế hoạch ban hành của Sở GDĐT, đảm bảo tất cả các học sinh trong độ tuổi tuyển sinh đều có thông tin chính xác trên hệ thống CSDL ngành giáo dục. Đối với các trường hợp thông tin “nơi ở hiện tại” không thống nhất với VNEID, Phòng GDĐT tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, chuyên trách phổ cập giáo dục phường, trường khu phố và công an địa phương tiến hành rà soát, đảm bảo tính chính xác trước khi cập nhật vào hệ thống.

- Phòng GDĐT nơi học sinh hoàn thành chương trình mầm non, tiểu học chịu trách nhiệm bổ sung, kiểm tra và điều chỉnh thông tin cho học sinh thay đổi nơi ở hiện tại sau thời gian rà soát kế hoạch tuyển sinh của Sở GDĐT (bao gồm học sinh chuyển tỉnh). Việc điều chỉnh phải có lý do chính đáng, khách quan, hồ

sơ minh chứng hợp lệ (lưu tại Phòng GDĐT), được Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp phê duyệt và cập nhật trực tuyến trên hệ thống của Sở GDĐT.

- Hướng dẫn các trường tư thục trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định. Phòng GDĐT chịu trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo tuyển sinh tại các trường tư thục đều phải được đăng ký trên hệ thống tuyển sinh của Thành phố và văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận triển khai duy trì và phát triển mô hình tuyển sinh đầu cấp của Sở GDĐT, nhằm đảm bảo tính hiệu quả và đồng bộ trong công tác tuyển sinh trên địa bàn. Đảm bảo 100% học sinh được đăng ký đúng thời hạn tại trang tuyển sinh của Thành phố. Nghiêm cấm yêu cầu học sinh nộp hồ sơ giấy trong quá trình đăng ký và xác nhận.

- Công tác phân bổ học sinh vào các trường phải phù hợp với nhân sự và cơ sở vật chất hiện có của các đơn vị thực hiện mục tiêu đảm bảo quyền lợi học sinh, hỗ trợ đơn vị thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 cùng kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt.

- Tăng cường sử dụng bản đồ số dùng chung trong công tác phân bổ chỉ tiêu học sinh vào các trường trên địa bàn. Tùy tình hình thực tế, các đơn vị trên cơ sở luôn đặt mục tiêu phân bổ học sinh được học trường gần nhà, phù hợp với điều kiện di chuyển.

- Khuyến khích các đơn vị tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh tham gia các kỳ thi, khảo sát năng lực ngoại ngữ và tin học quốc tế để có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các mục tiêu đề ra của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Phối hợp Công an 15 phường xác minh làm rõ tình trạng cư trú thực tế trên địa bàn để xác định đối tượng được tuyển sinh.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường và các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, công chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh Kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận về huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường công bố công khai việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn.

- Chỉ đạo các trường thực hiện tốt công tác cơ sở dữ liệu trên hệ thống dữ liệu Ngành Giáo dục và Đào tạo chính xác.

- Tổ chức triển khai quán triệt cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên về việc chấp hành quy định tuyển sinh. Triển khai kế hoạch tuyển sinh của quận cho từng bậc học và chỉ đạo thành lập Hội đồng tuyển sinh trường để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch.

- Tổ chức triển khai và tập huấn phần mềm tuyển sinh trực tuyến cho Lãnh đạo Ủy ban nhân dân 15 phường, chuyên trách Phổ cập giáo dục 15 phường, Hiệu trưởng và nhân viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (công lập).

- Ban hành công văn hướng dẫn tuyển sinh các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh theo đúng yêu cầu đề ra, đảm bảo chính xác, công bằng.

- Phối hợp tổ chức kiểm tra, đôn đốc các trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh năm học 2025 - 2026 theo đúng tiến độ. Theo dõi chặt chẽ tình hình tuyển sinh của từng trường để kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế. Tham mưu Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quận xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định công tác tuyển sinh.

- Báo cáo thường xuyên cho Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp theo định kỳ, đột xuất về công tác tuyển sinh năm học 2025 - 2026.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác tuyển sinh năm học 2025 - 2026 về Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu tuyển dụng giáo viên, nhân viên năm học 2025 - 2026.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu kinh phí triển khai phần mềm tuyển sinh trực tuyến đầu cấp.

## **2. Phòng Nội vụ**

- Phối hợp Phòng GDĐT tham mưu Thường trực Ủy ban nhân dân quận thành lập Tổ Kiểm tra công tác huy động trẻ đến trường và tuyển sinh các lớp đầu cấp tại các trường và phường trên địa bàn quận.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026; tuyển dụng giáo viên nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng giáo viên giảng dạy.

## **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Phối hợp Phòng GDĐT tham mưu Ủy ban nhân dân quận kinh phí để sử dụng phần mềm tuyển sinh trực tuyến đầu cấp năm học 2025 - 2026.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục kinh phí sử dụng phần mềm tuyển sinh trực tuyến đầu cấp tại đơn vị và quyết toán đúng quy định.

## **4. Ủy ban nhân dân 15 phường**

- Thành lập Ban Chỉ đạo Hội đồng tuyển sinh phường công khai lịch tiếp công dân, giải đáp thắc mắc đến người dân về việc tuyển sinh nhằm hạn chế các khiếu nại, đơn thư của người dân về công tác tuyển sinh.

- Chỉ đạo chuyên trách phổ cập giáo dục phường, trưởng khu phố thực hiện thống kê và tổng hợp danh sách trẻ 6 tuổi cư trú trên địa bàn, phối hợp công an địa phương xác minh tính chính xác về thông tin nơi ở hiện tại thực tế theo danh sách đã tổng hợp, không yêu cầu phụ huynh học sinh nộp các giấy tờ xác minh.

- Chỉ đạo chuyên trách phổ cập giáo dục phường, trưởng khu phố thực hiện

kiểm tra, xác minh các trường hợp điều chỉnh thông tin sau thời gian kết thúc rà soát dữ liệu theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Việc điều chỉnh phải đảm bảo có lý do chính đáng, khách quan và đầy đủ hồ sơ minh chứng, tránh tình trạng thay đổi hàng loạt. Chỉ đạo triển khai công tác phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân phường và các cơ sở giáo dục có tuyển sinh trên địa bàn, nhằm đa dạng hóa, tối ưu hóa các hình thức hỗ trợ người dân thông qua nhiều phương thức như tư vấn trực tiếp, hỗ trợ trực tuyến, phát hành tài liệu hướng dẫn và phổ biến thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Phối hợp Phòng GDĐT và các trường tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, công chức, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh Kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận về huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2025 - 2026.

- Phối hợp Phòng GDĐT công bố công khai việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân địa phương về thời gian điều tra, lập danh sách, các thủ tục và thời gian đăng ký nhập học... (thông qua bản tin phường, thông báo, họp khu phố...).

- Phối hợp Phòng GDĐT, Hội đồng tuyển sinh các trường tổng hợp theo dõi tiến độ, danh sách trẻ đã và chưa ra lớp theo phân bổ chỉ tiêu; xác minh những trường hợp chưa ra lớp để vận động, hỗ trợ và tạo điều kiện cho trẻ đến trường.

- Phối hợp Hiệu trưởng các trường trên địa bàn phường để tuyên truyền công tác tuyển sinh trực tuyến và mô hình dạy học của trường đến cha mẹ học sinh.

- Cấp giấy gọi trẻ cho trẻ 5 tuổi và 6 tuổi (nếu có).

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban chỉ đạo tuyển sinh quận về số lượng trẻ được học gần trường mầm non, tiểu học trong việc áp dụng hệ thống Bản đồ số dùng chung của Thành phố trong tuyển sinh trên địa bàn phường quản lý.

- Ủy ban nhân dân phường cấp giấy chứng nhận khuyết tật đúng với mức độ và dạng khuyết tật của học sinh làm căn cứ thực hiện chế độ ưu tiên trong tuyển sinh. Việc đánh giá cần tuân thủ nguyên tắc vừa đảm bảo quyền lợi cho học sinh, vừa đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, đồng thời phải lưu trữ đầy đủ hồ sơ minh chứng phục vụ công tác kiểm tra sau này.

## 5. Đề nghị Công an 15 phường

- Phối hợp với Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp rà soát dữ liệu về tuyển sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời gian theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Ưu tiên hỗ trợ, phối hợp trong việc xác thực các trường hợp dữ liệu tuyển sinh còn sai sót so với dữ liệu dân cư quốc gia. Đặc biệt đối với trường hợp cần xác minh mã định danh hoặc nơi ở hiện tại theo mã định danh để phục vụ công tác phân bổ học sinh về đúng khu vực theo Kế hoạch tuyển sinh đã quy định.

- Phối hợp Phòng GDĐT, Ủy ban nhân dân 15 phường trong điều tra, lập

danh sách, huy động trẻ trên địa bàn phường để đảm bảo tất cả trẻ trên địa bàn quận đều được đến trường.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường làm rõ tình trạng cư trú trên địa bàn để xác định đối tượng được tuyển sinh. Kiểm tra, cấp xác nhận cư trú thực tế đúng quy định (nếu có).

- Phối hợp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phường để tuyên truyền công tác tuyển sinh trực tuyến và mô hình dạy học của trường đến cha mẹ học sinh.

- Căn cứ Đề án 06 xác định chính xác dữ liệu nơi ở hiện tại thực tế của học sinh thông qua mã định danh nhằm tạo điều kiện cho học sinh được học gần nơi ở hiện tại và đảm bảo các trường tuyển đủ chỉ tiêu theo kế hoạch phát triển giáo dục.

## **6. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có tham gia tuyển sinh**

- Xây dựng và công khai kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy định.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường, thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng.

- Tuyển sinh học sinh khuyết tật có nhu cầu học theo quy định.

- Thực hiện nghiêm công tác hướng dẫn cha mẹ học sinh tìm hiểu thông tin về chương trình, loại hình học tập của từng đơn vị để lựa chọn nguyện vọng phù hợp. Đồng thời công khai đầy đủ phương án tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử, bao gồm quy trình đăng ký, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng tuyển sinh, số điện thoại đường dây nóng và các thông tin cần thiết khác liên quan đến công tác tuyển sinh.

- Tại mỗi đơn vị phải bố trí khu vực và đội ngũ hỗ trợ công tác tuyển sinh trực trong suốt giai đoạn tuyển sinh theo giờ hành chính. Bố trí thiết bị, dụng cụ và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm rõ quy trình tuyển sinh nhằm hướng dẫn hỗ trợ các trường hợp khó khăn hoặc chưa có kinh nghiệm trong việc tiếp cận công nghệ.

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống tuyển sinh tại đơn vị, phát triển và bổ sung các tính năng còn thiếu sót, xây dựng kết nối với trang tuyển sinh của Thành phố trong thời gian quy định. Đảm bảo dữ liệu thí sinh phải được tải từ trang tuyển sinh của Thành phố. Tuyệt đối không tự tạo nguồn dữ liệu tuyển sinh riêng.

- Có kế hoạch khen thưởng, hỗ trợ cho các cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong suốt quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, áp dụng các giải pháp chuyển đổi số trong việc đơn giản hóa thủ tục, hỗ trợ cho cha mẹ học sinh.

- Đảm bảo tất cả học sinh đang học và thuộc đối tượng tuyển sinh trong năm 2025 – 2026 đều được khai báo thông tin đầy đủ chính xác trên hệ thống CSDL của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Chủ động phối hợp Ủy ban nhân dân phường tổ chức huy động số trẻ từng độ tuổi đi học trên địa bàn được phân công, báo cáo số liệu chính xác cho Ban chỉ

đạo tuyển sinh quận.

- Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện công tác đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến trên trang tuyển sinh của Thành phố tại địa chỉ: **<https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>**. Tuyệt đối không tạo các trang đăng ký khác hoặc hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký khác theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do Ủy ban nhân dân quận quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh; giải đáp thắc mắc của cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh.

- Hiệu trưởng các trường tiểu học tổ chức họp toàn thể cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh lớp 5 triển khai hướng dẫn thật kỹ các quy định về tuyển sinh lớp 6. Lắng nghe và giải đáp những thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh.

- Các trường mầm non chịu trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn quy trình, cách thức đăng ký tuyển sinh, đặc biệt hỗ trợ điều chỉnh thông tin thí sinh trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp của Thành phố cho các học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục mầm non tại đơn vị mình.

- Các trường tiểu học chịu trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn quy trình, cách thức đăng ký tuyển sinh, đặc biệt hỗ trợ điều chỉnh thông tin thí sinh trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp của Thành phố cho các học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học tại đơn vị mình.

- Kiểm tra và cập nhật đầy đủ danh sách học sinh đầu cấp và cuối cấp trên hệ thống thông tin quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục.

## VIII. TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 đến ngày 02 tháng 4 năm 2025: cơ sở giáo dục thực hiện việc rà soát, cập nhật dữ liệu học sinh cuối cấp trên cơ sở dữ liệu của ngành tại địa chỉ **<https://csdl.hcm.edu.vn>**, xác thực dữ liệu định danh học sinh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thực hiện đồng bộ cơ sở dữ liệu học sinh cuối cấp từ cơ sở dữ liệu ngành sang cơ sở dữ liệu tuyển sinh đầu cấp; Thông báo tài khoản đăng nhập trang tuyển sinh đầu cấp của thành phố đến cha mẹ học sinh.

- Ngày 03 tháng 4 năm 2025: Phòng GDĐT tập huấn rà soát, cập nhật dữ liệu cho các cơ sở giáo dục và 15 phường.

- Từ ngày 04 tháng 4 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025: Phòng GDĐT cập nhật danh sách (trẻ 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 chưa học mầm non) lên cơ sở dữ liệu tuyển sinh; Cơ sở giáo dục, phụ trách phổ cập phường hướng dẫn cha mẹ học sinh rà soát, xác nhận thông tin trên trang **[tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn](https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn)**; Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học rà soát, cập nhật điều chỉnh thông tin học sinh cuối cấp trên cơ sở dữ liệu tuyển sinh (nếu có).

- Từ ngày 14 tháng 4 năm 2025 đến ngày 16 tháng 4 năm 2025: Sở GDĐT tổng hợp và gửi về Phòng GDĐT chốt số liệu trẻ chuẩn bị vào lớp 1 và học sinh tiểu học chuẩn bị vào lớp 6 năm học 2025-2026.

- Ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 19 tháng 4 năm 2025: Ủy ban nhân dân quận báo cáo số lượng trẻ chuẩn bị vào lớp 1 và học sinh tiểu học chuẩn bị vào lớp 6 trên địa bàn về Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp Thành phố.

- Từ ngày 21 tháng 4 năm 2025 đến trước ngày 09 tháng 5 năm 2025: Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp ban hành kế hoạch tuyển sinh đầu cấp.

- Ngày 10 tháng 5 năm 2025: Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh bậc mầm non, cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở.

- Từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 đến ngày 17 tháng 5 năm 2025: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở xây dựng và triển khai kế hoạch huy động trẻ vào lớp và tuyển sinh đầu cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2025 - 2026.

- Ngày 17 tháng 5 năm 2025: Công khai kế hoạch tuyển sinh của các cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử.

- Trước ngày 23 tháng 5 năm 2025: Phòng Giáo dục và Đào tạo cập nhật Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp lên trên trang tuyển sinh Thành phố tại địa chỉ: <https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>.

- Từ ngày 24 tháng 5 năm 2025 đến ngày 10 tháng 6 năm 2025: Xét và công bố kết quả tuyển sinh trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi; tổ chức tiếp nhận học sinh trúng tuyển và xác nhận kết quả nộp hồ sơ tại trang tuyển sinh của Thành phố.

- Từ ngày 16 tháng 6 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025: Xét và công bố kết quả tuyển sinh các trường tổ chức chương trình phổ thông đại trà; tổ chức tiếp nhận học sinh trúng tuyển và xác nhận kết quả nộp hồ sơ tại trang tuyển sinh của Thành phố.

- Từ ngày 23 tháng 6 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2025: Công bố kết quả tuyển sinh tại các trường, cập nhật dữ liệu học sinh trúng tuyển lên trang tuyển sinh của Thành phố.

- Từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025: Hội đồng tuyển sinh các trường gửi danh sách bổ sung chỉ tiêu (nếu có) về Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp, Ban chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp xét và công bố kết quả tuyển sinh các học sinh đăng ký dạng đối tượng 2 và bổ sung chỉ tiêu.

- Từ ngày 27 tháng 6 năm 2025 đến ngày 29 tháng 6 năm 2025: Các cơ sở giáo dục tổ chức tiếp nhận học sinh trúng tuyển và xác nhận kết quả nộp hồ sơ tại trang tuyển sinh của Thành phố.

- Trước ngày 29 tháng 6 năm 2025: Các cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả và tiến hành tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: các phường mới thành lập sẽ tiếp tục thực hiện công tác tuyển sinh nhằm bảo đảm 100% trẻ được đi học trong năm học 2025 – 2026.

Trên đây là Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2025 – 2026 của Ủy ban nhân dân quận, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị

liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai và thực hiện theo đúng nội dung kế hoạch./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- TTQU;
- TTUB: CT, PCT/VX;
- P.GDĐT, P.NV, P.TCKH;
- TT.GDNN-GDTX;
- UBND, Công an 15 phường;
- Các trường MN, TH, THCS (CL);
- VP UBND: CVP, PCVP/VX;
- Tổ TH: VX;
- Lưu: VT, P.GDĐT (S).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thu Sương**



**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TRẺ 5 TUỔI (SINH NĂM 2020) VÀO LỚP LÁ CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2025 - 2026**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

| STT           | Đơn vị trường        | Đơn vị Phường | Phân bố chỉ tiêu lớp mẫu giáo 5 tuổi<br>(sinh năm 2020) |                            |              |             |                |                              | Ghi chú |
|---------------|----------------------|---------------|---------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|-------------|----------------|------------------------------|---------|
|               |                      |               | Số trẻ<br>hiện có (lớp 4-<br>5 tuổi)                    | Chỉ tiêu                   |              | Tổng số trẻ | Tổng số<br>lớp | Số bình quân<br>(số trẻ/lớp) |         |
|               |                      |               |                                                         | Giấy gọi trẻ<br>của phường | Trường tuyển |             |                |                              |         |
| 1             | Mầm non 1            | Phường 1      | 32                                                      |                            | 3            | 35          | 1              | 35                           |         |
| 2             | Mầm Non 2            | Phường 2      | 72                                                      |                            | 0            | 72          | 2              | 36                           |         |
| 3             | Mầm Non Kim Đồng     |               | 34                                                      | 19                         | 7            | 60          | 2              | 30                           |         |
| 4             | Mầm Non 3            | Phường 3      | 49                                                      |                            | 21           | 70          | 2              | 35                           |         |
| 5             | Mầm Non 4            | Phường 4      | 25                                                      | 5                          | 0            | 30          | 1              | 30                           |         |
| 6             | Mầm Non Tân Sơn Nhất |               | 89                                                      |                            | 16           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 7             | Mầm Non Quận         |               | 82                                                      |                            | 23           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 8             | Mầm Non 5            | Phường 5      | 43                                                      | 7                          | 20           | 70          | 2              | 35                           |         |
| 9             | Mầm Non 6            | Phường 6      | 34                                                      |                            | 36           | 70          | 2              | 35                           |         |
| 10            | Mầm non Sơn Ca       |               | 9                                                       | 2                          | 94           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 11            | Mầm Non 7            | Phường 7      | 44                                                      | 10                         | 16           | 70          | 2              | 35                           |         |
| 12            | Mầm Non Tuổi Xanh    |               | 101                                                     |                            | 39           | 140         | 4              | 35                           |         |
| 13            | Mầm Non 8            | Phường 8      | 50                                                      | 17                         | 3            | 70          | 2              | 35                           |         |
| 14            | Mầm Non 9            | Phường 9      | 117                                                     | 14                         | 9            | 140         | 4              | 35                           |         |
| 15            | Mầm Non 10           | Phường 10     | 61                                                      | 12                         | 32           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 16            | Mầm Non 10A          |               | 86                                                      |                            | 19           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 17            | Mầm Non Phú Hòa      |               | 104                                                     |                            | 1            | 105         | 3              | 35                           |         |
| 18            | Mầm Non 11           | Phường 11     | 69                                                      | 11                         | 25           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 19            | Mầm Non 12           | Phường 12     | 142                                                     |                            | 0            | 142         | 4              | 36                           |         |
| 20            | Mầm Non Hòa Mĩ       |               | 85                                                      |                            | 20           | 105         | 3              | 35                           |         |
| 21            | Mầm Non 13           | Phường 13     | 179                                                     | 4                          | 0            | 183         | 5              | 37                           |         |
| 22            | Mầm Non 14           | Phường 14     | 112                                                     |                            | 28           | 140         | 4              | 35                           |         |
| 23            | Mầm Non Bàu Cát      |               | 154                                                     |                            | 21           | 175         | 5              | 35                           |         |
| 24            | Mầm Non 15           | Phường 15     | 142                                                     | 34                         | 0            | 176         | 4              | 44                           |         |
| Tổng Cộng lập |                      |               | 1915                                                    | 135                        | 433          | 2483        | 70             |                              |         |



**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TRẺ VÀO LỚP 1 CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2025 - 2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số 158 /KH-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

| Tên trường TiH      | Tên phường | Số trẻ 6 tuổi | Số lớp      |                  |                       |            | Số bình quân học sinh/ lớp |                       |            | Tổng số HS | Tỷ lệ huy động | Số bình quân | Ghi chú                   |
|---------------------|------------|---------------|-------------|------------------|-----------------------|------------|----------------------------|-----------------------|------------|------------|----------------|--------------|---------------------------|
|                     |            |               | Tổng số lớp | Học 2 buổi/ ngày | Chương trình Tích hợp | Tiếng Pháp | Học 2 buổi/ ngày           | Chương trình Tích hợp | Tiếng Pháp |            |                |              |                           |
| Lê Văn Sĩ           | Phường 1   | 128           | 6           | 5                | 1                     |            | 37                         | 35                    |            | 218        | 100%           | 36           |                           |
|                     | Phường 2   | 90            |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Nguyễn Thanh Tuyền  | Phường 2   | 270           | 7           | 6                | 1                     |            | 39                         | 35                    |            | 270        | 100%           | 39           |                           |
| Bình Giả            | Phường 3   | 106           | 3           | 3                |                       |            | 35                         |                       |            | 106        | 100%           | 35           |                           |
| Tân Sơn Nhất        | Phường 2   | 20            | 4           | 4                |                       |            | 35                         |                       |            | 140        | 100%           | 35           |                           |
|                     | Phường 4   | 120           |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Hoàng Văn Thụ       | Phường 2   | 3             | 6           | 6                |                       |            | 33                         |                       |            | 197        | 100%           | 33           |                           |
|                     | Phường 4   | 194           |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Phạm Văn Hai        | Phường 5   | 130           | 4           | 4                |                       |            | 33                         |                       |            | 130        | 100%           | 33           |                           |
| Chi Lăng            | Phường 6   | 124           | 4           | 4                |                       |            | 31                         |                       |            | 124        | 100%           | 31           |                           |
| Đồng Đa             | Phường 6   | 90            | 7           | 4                | 3                     |            | 30                         | 30                    |            | 210        | 100%           | 30           |                           |
|                     | Quận       | 120           |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Hùng Vương          | Phường 6   | 90            | 6           | 4                | 2                     |            | 30                         | 30                    |            | 180        | 100%           | 30           |                           |
|                     | Quận       | 90            |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Bành Văn Trân       | Phường 7   | 158           | 6           | 6                |                       |            | 30                         |                       |            | 178        | 100%           | 30           |                           |
|                     | Phường 8   | 20            |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Trần Văn Ôn         | Phường 8   | 143           | 4           | 4                |                       |            | 36                         |                       |            | 143        | 100%           | 36           |                           |
| Ngọc Hồi            | Phường 9   | 216           | 6           | 6                |                       |            | 36                         |                       |            | 216        | 100%           | 36           |                           |
| Phú Thọ Hòa         | Phường 10  | 210           | 6           | 6                |                       |            | 35                         |                       |            | 210        | 100%           | 35           |                           |
| Lê Thị Hồng Gấm     | Phường 10  | 245           | 7           | 7                |                       |            | 35                         |                       |            | 245        | 100%           | 35           |                           |
| Nguyễn Văn Trỗi     | Phường 11  | 190           | 6           | 5                | 1                     |            | 31                         | 35                    |            | 190        | 100%           | 32           |                           |
| Lạc Long Quân       | Phường 10  | 38            | 3           | 3                |                       |            | 35                         |                       |            | 104        | 100%           | 35           |                           |
|                     | Phường 11  | 66            |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Cách Mạng Tháng Tám | Phường 12  | 161           | 4           | 4                |                       |            | 40                         |                       |            | 161        | 100%           | 40           |                           |
| Nguyễn Khuyến       | Phường 12  | 75            | 5           | 5                |                       |            | 40                         |                       |            | 199        | 100%           | 40           |                           |
|                     | Phường 14  | 123           |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
|                     | Phường 15  | 1             |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Trần Quốc Tuấn      | Phường 12  | 230           | 6           | 4                | 2                     |            | 40                         | 35                    |            | 230        | 100%           | 38           |                           |
| Yên Thế             | Phường 13  | 195           | 5           | 5                |                       |            | 39                         |                       |            | 195        | 100%           | 39           |                           |
| Sơn Cang            | Phường 13  | 157           | 4           | 4                |                       |            | 39                         |                       |            | 157        | 100%           | 39           |                           |
| Thân Nhân Trung     | Phường 13  | 189           | 5           | 5                |                       |            | 40                         |                       |            | 198        | 100%           | 40           |                           |
|                     | Phường 15  | 9             |             |                  |                       |            |                            |                       |            |            |                |              |                           |
| Trần Quốc Toản      | Phường 14  | 280           | 8           | 7                |                       | 1          | 40                         |                       | 40         | 320        | 100%           | 40           | 40 HS tiếng Pháp tự nhiên |
| Đan Tru             | Phường 15  | 210           | 5           | 4                | 1                     |            | 44                         | 35                    |            | 210        | 100%           | 42           |                           |
| Nguyễn Văn Kịp      | Phường 15  | 261           | 6           | 6                |                       |            | 44                         |                       |            | 261        | 100%           | 44           |                           |
| Phạm Huy Ích        | Phường 15  | 440           | 10          | 10               |                       |            | 44                         |                       |            | 440        | 100%           | 44           |                           |
| Tổng cộng           |            | 5.192         | 143         | 131              | 11                    | 1          | 37                         | 35                    | 40         | 5.232      | 100%           |              |                           |

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỌC SINH VÀO LỚP 6 CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 458 /KH-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

| STT | Trường THCS      | Số lớp |        |        |         | Số học sinh đã phân bổ |        |        |         | Số học sinh THPT từng trường |      |        |        | Trường THPT |         |          |                                                                                                    |
|-----|------------------|--------|--------|--------|---------|------------------------|--------|--------|---------|------------------------------|------|--------|--------|-------------|---------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  | Tổng   | Thường | TC Anh | TC Pháp | Tích Hợp               | Thường | TC Anh | TC Pháp | Tích Hợp                     | Tổng | Thường | TC Anh |             | TC Pháp | Tích Hợp |                                                                                                    |
| 1   | Ngô Sĩ Liên      | 13     | 5      | 5      | 1       | 2                      | 53     | 48     | 28      | 31                           | 61   | 593    | 264    | 240         | 28      | 61       | Lê Văn Sĩ                                                                                          |
| 2   | Âu Lạc           | 6      | 3      | 3      |         |                        | 41     | 52     |         |                              | 0    | 279    | 122    | 157         | 0       | 0        | Trần Quốc Toàn                                                                                     |
| 3   | Nguyễn Gia Thiều | 10     | 0      | 7      |         | 3                      |        | 50     |         | 35                           | 105  | 458    | 0      | 353         | 0       | 105      | Tân Sơn Nhất                                                                                       |
| 4   | Mạc Đĩnh Chi     | 10     | 0      | 7      |         | 3                      |        | 35     |         |                              | 105  | 350    |        | 245         |         | 105      | Nguyễn Thanh Tuyền                                                                                 |
| 5   | Trần Văn Đang    | 5      | 0      | 5      |         |                        |        | 46     |         |                              | 0    | 228    | 0      | 228         | 0       | 0        | Hoàng Văn Thụ                                                                                      |
| 6   | Tân Bình         | 9      | 2      | 7      |         |                        | 51     | 42     |         |                              | 0    | 393    | 102    | 291         | 0       | 0        | Đống Đa                                                                                            |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      |        |        |             |         |          | Trần Quốc Toàn                                                                                     |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      |        |        |             |         |          | Nguyễn Văn Trỗi                                                                                    |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 91     |        | 91          |         |          | Chi Lăng                                                                                           |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      |        |        |             |         |          | Tuyển học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học của các trường Tiểu học công lập tại quận Tân Bình |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      |        |        |             |         |          | Chi Lăng                                                                                           |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 110    |        | 110         |         |          | Bánh Ván Trần                                                                                      |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 118    |        | 118         |         |          | Bánh Ván Trần                                                                                      |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 159    |        | 159         |         |          | Phạm Văn Hai                                                                                       |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 132    |        | 132         |         |          | Bình Giả                                                                                           |
|     |                  |        |        |        |         |                        |        |        |         |                              |      | 102    | 102    |             |         |          |                                                                                                    |

| STT | Trường THCS     | Số lớp |        |        |         |          | Số học sinh đã phân bổ |        |         |          |       | Số học sinh T111 từng trường |        |         |          |       | Trường T111 |                 |    |     |
|-----|-----------------|--------|--------|--------|---------|----------|------------------------|--------|---------|----------|-------|------------------------------|--------|---------|----------|-------|-------------|-----------------|----|-----|
|     |                 | Tổng   | Thường | TC Anh | TC Pháp | Tích Hợp | Thường                 | TC Anh | TC Pháp | Tích Hợp | Tổng  | Thường                       | TC Anh | TC Pháp | Tích Hợp |       |             |                 |    |     |
| 7   | Quang Trung     | 6      |        | 6      |         |          | 39                     | 231    | 0       | 231      | 0     | 0                            | 0      | 124     |          | 124   |             | Trần Văn Ôn     |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 37      |          | 37    |             | Lạc Long Quân   |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 53      |          | 53    |             | Trần Quốc Toàn  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 6       |          | 6     |             | Thái Bình Dương |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 1       |          | 1     |             | Quốc tế Á Châu  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 2       |          | 2     |             | Thanh Bình      |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 7       |          | 7     |             | Tesla           |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 1       |          | 1     |             | Việt Mỹ         |    |     |
| 8   | Lý Thường Kiệt  | 4      | 4      |        |         |          | 37                     | 148    | 148     | 0        | 0     | 0                            | 0      | 148     | 148      |       |             | Ngọc Hối        |    |     |
| 9   | Phạm Ngọc Thạch | 6      | 5      | 1      |         |          | 46                     | 273    | 228     | 45       | 0     | 0                            | 0      | 181     | 160      | 21    |             | Phú Thọ Hòa     |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 92      | 68       | 24    |             | Lê Thị Hồng Gấm |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 251     |          | 251   |             | Nguyễn Văn Trỗi |    |     |
| 10  | Vô Văn Tần      | 10     | 4      | 6      |         |          | 50                     | 506    | 200     | 306      | 0     | 0                            | 0      | 55      |          | 55    |             | Lạc Long Quân   |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 200     | 200      |       |             | Phan Huy Ích    |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 152     | 97       | 55    |             | Nguyễn Khuyển   |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 97      | 54       | 43    |             | CMT8            |    |     |
| 11  | Ngô Quyền       | 12     | 6      | 6      |         |          | 54                     | 633    | 337     | 296      | 0     | 0                            | 0      | 177     | 177      |       |             | Phan Huy Ích    |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 198     |          | 198   |             | Nguyễn Văn Kíp  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 9       | 9        |       |             | Lương Thế Vinh  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 189     |          | 146   | 43          | Trần Quốc Tuấn  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 37      | 19       | 18    |             | Nguyễn Khuyển   |    |     |
| 12  | Trương Chinh    | 10     | 2      | 7      |         | 1        | 42                     | 452    | 83      | 326      | 0     | 43                           |        | 89      | 41       | 48    |             | Tân Trụ         |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 57      | 23       | 34    |             | CMT8            |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 80      |          | 80    |             | Nguyễn Văn Kíp  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 183     |          | 183   |             | Sơn Cang        |    |     |
| 13  | Hoàng Hoa Thám  | 16     | 3      | 10     |         | 3        | 48                     | 53     |         |          |       | 53                           |        | 48      |          | 24    | 24          | Trần Quốc Tuấn  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 119     |          | 90    | 29          | Tân Trụ         |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 239     | 49       | 190   |             | Yên Thế         |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 186     | 96       | 90    |             | Thân Nhân Trung |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 207     | 174      | 33    |             | Lê Thị Hồng Gấm |    |     |
| 14  | Trần Văn Quang  | 7      | 4      | 3      |         |          | 46                     | 51     |         |          |       | 0                            | 0      | 121     |          | 121   |             | Trần Quốc Toàn  |    |     |
|     |                 |        |        |        |         |          |                        |        |         |          |       |                              |        | 10      | 10       |       |             | Lương Thế Vinh  |    |     |
|     | Cộng            | 124    | 38     | 73     | 1       | 12       | 468                    | 610    | 28      | 171      | 5.605 | 1.813                        | 3.397  | 28      | 367      | 5.638 | 1.813       | 3.449           | 28 | 348 |

